

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP, ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI HÀ THÀNH
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP, ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI HÀ THÀNH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HA THANH TRADING AND INVESTMENT, CONSTRUCTION INSTALLATION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: HATHANH TAICI.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0107477500

3. Ngày thành lập: 17/06/2016

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 10, khu nhà ở Bộ Công an X410, Xã Tả Thanh Oai, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 043.6858026

Fax: 043.6858026

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (Loại Nhà nước cho phép)	2599
2.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
3.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
4.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
5.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
6.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
7.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
8.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
9.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
10.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
11.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
12.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
13.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
14.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
15.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
16.	Sản xuất đường	1072
17.	Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo	1073
18.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
19.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075

20.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu (Loại Nhà nước cho phép)	1079
21.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
22.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
23.	Sản xuất rượu vang	1102
24.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
25.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
26.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1321
27.	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)	1322
28.	Sản xuất thảm, chăn đệm	1323
29.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1324
30.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
31.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
32.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
33.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng Chi tiết : + Cửa ra vào, cửa sổ, cửa chớp, khung cửa, bất kể chúng có các phụ kiện bằng kim loại hay không, như bản lề, khoá... + Cầu thang, hàng rào chắn,	1622
34.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
35.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
36.	Sản xuất giấy nhấn, bìa nhấn, bao bì từ giấy và bìa	1702
37.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
38.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
39.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp. Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) (Chỉ hoạt động khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)	4669
40.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá nội, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
41.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (Loại Nhà nước cho phép)	4719
42.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
43.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722

44.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
45.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
46.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
47.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
48.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
49.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
50.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh. Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh. Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Bán lẻ nhạc cụ trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
51.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
52.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
53.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (Loại Nhà nước cho phép)	4764
54.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
55.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
56.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
57.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
58.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
59.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
60.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
61.	Xây dựng nhà các loại	4100
62.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
63.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
64.	Lắp đặt hệ thống điện	4321

65.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt hệ thống thiết bị nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như : + Thang máy, cầu thang tự động, + Các loại cửa tự động, + Hệ thống đèn chiếu sáng;	4329
66.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
67.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào	4634
68.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
69.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác. Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế. Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh. Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh. Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện. Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự. Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm. Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao.	4649(Chính)
70.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
71.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
72.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
73.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
74.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
75.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào lưu động hoặc tại chợ	4781
76.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4931
77.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định. Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt. Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng. Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô.	4932
78.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi	4933

79.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: -Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh; (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	8299
80.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619

81.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Thiết kế quy hoạch xây dựng (Điều 47 Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015) - Thiết kế xây dựng công trình: (Điều 48 Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015) + Thiết kế kiến trúc công trình. + Thiết kế nội - ngoại thất công trình; thiết kế cảnh quan; + Thiết kế kết cấu công trình; + Thiết kế điện - cơ điện công trình; + Thiết kế cấp - thoát nước; + Thiết kế thông gió - cấp thoát nhiệt; + Thiết kế mạng thông tin - liên lạc trong công trình xây dựng; + Thiết kế phòng cháy - chữa cháy. - Giám sát thi công xây dựng (Điều 49 Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015) - Khảo sát xây dựng: (Điều 46 Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015) + Khảo sát địa hình; + Khảo sát địa chất, địa chất thủy văn công trình - Giám sát thi công xây dựng: (Điều 49 + Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện; + Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình; + Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công nghệ. - Quản lý dự án đầu tư xây dựng (Điều 16 Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015) - Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng công trình (Điều 30 Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015) - Quản lý thi công xây dựng công trình bao gồm: (Điều 31 Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015) + Quản lý chất lượng xây dựng công trình. + Quản lý tiến độ xây dựng thi công xây dựng công trình. + Quản lý khối lượng thi công xây dựng công trình. + Quản lý chi phí đầu tư xây dựng trong quá trình thi công xây dựng. + Quản lý hợp đồng xây dựng. + Quản lý an toàn lao động, môi trường xây dựng. - Tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát, tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy (Điều 41 Nghị định 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014) . - Thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy (Điều 43 Nghị định 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014) - Kinh doanh phương tiện, thiết bị, vật tư phòng cháy và chữa cháy (Điều 43 Nghị định 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014) (Chỉ hoạt động khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)	7110
82.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410

83.	(Đối với các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện thì pháp nhân chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo qui định pháp luật).	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam
-----	---	--

6. Vốn điều lệ: 20.000.000.000 VNĐ
Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC NĂM TIỀN	Số 10, khu nhà ở Bộ Công an, X 410, đội 1, Xã Tả Thanh Oai, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	400.000	4.000.000.000	20,000	0106100861	
			Tổng số	400.000	4.000.000.000	20,000		
2	công ty cổ phần tư vấn kiến trúc và xây dựng việt á	Số 2, ngõ 8, đường phố Xóm, Phường Phú Lâm, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	200.000	2.000.000.000	10,000	0106071794	
			Tổng số	200.000	2.000.000.000	10,000		
3	LÊ VIỆT HÙNG	P304, tầng 3-15T1, chung cư 310 Minh Khai, Phường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	300.000	3.000.000.000	15,000	001077001073	
			Tổng số	300.000	3.000.000.000	15,000		
4	PHẠM MINH THUẬN	Xã Sơn Quang, Huyện Hương Sơn, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	500.000	5.000.000.000	25,000	183182305	
			Tổng số	500.000	5.000.000.000	25,000		
5	NGUYỄN HỒNG HẢI	Tổ 11E Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	400.000	4.000.000.000	20,000	B9223110	
			Tổng số	400.000	4.000.000.000	20,000		

6	TRỊNH VIỆT DƯƠNG	Thôn Thanh Oai, Xã Hữu Hoà, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	200.000	2.000.000.000	10,000	0010840017 61	
			Tổng số	200.000	2.000.000.000	10,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	---	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THẾ ANH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 20/03/1975

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Hộ chiếu Việt Nam

Số giấy chứng thực cá nhân: B8907020

Ngày cấp: 20/02/2014 Nơi cấp: Cục xuất nhập cảnh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 17 dãy C19, khu A TT HVQY, tổ dân cư 7, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số nhà 17 dãy C19, khu A TT HVQY, tổ dân cư 7, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội